

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2024/DS-ST

Ngày: 13-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Huệ.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2024/QĐST-DS ngày 26/8/2024, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần K; địa chỉ: Số D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hữu N - Chuyên viên xử lý nợ. Có mặt.

2- *Bị đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1954 và bà Phan Thị N1, sinh năm 1958; cùng địa chỉ: Ấp I, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Ông T có mặt, bà N1 có đơn xin vắng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Văn T: Ông Huỳnh Ngọc T1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh K. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đại diện nguyên đơn trình bày: Ông Phan Văn T và bà Phan Thị N1 có vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần K (gọi tắt là Ngân hàng), cụ thể: Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 2071/18/HĐHM/1010-7884 ngày 03/12/2018 và hợp đồng tín dụng từng lần số 2019/21/HĐTD/1010-7884 ngày 22/12/2021 vay số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay cải tạo đất, trồng lúa, nuôi tôm cua quảng canh, nuôi heo (lợn), giải ngân ngày 22/12/2021, thời hạn vay 12 tháng, ngày hết hạn là 22/12/2022, lãi suất trong hạn 11,1%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả 10%/năm, hình thức trả lãi cho vay 06 tháng 01 lần, vốn vay được trả ngày đến hạn hợp đồng là 22/12/2022.

Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2071/18/HĐTC-BDS/1010-7884 ngày 03/12/2018, cụ thể: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 067642, số vào sổ H 0005 do UBND huyện A cấp ngày 18/3/2005, thửa đất 114, tờ bản đồ số 01, diện tích 20.372 m², tọa lạc tại ấp I, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình vay vốn ông T, bà N1 liên tục vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ cho Ngân hàng khi đến hạn, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nhở nhưng ông T, bà N1 không có thiện chí trả nợ. Tạm tính đến ngày 19/9/2023 còn nợ 264.721.575 đồng. Trong đó: vốn gốc 250.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn 14.721.575 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông T, bà N1 thanh toán số nợ nêu trên. Trường hợp không thực hiện Ngân hàng sẽ đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng trình bày và yêu cầu: Nội dung vay tài sản và thế chấp tài sản như đơn khởi kiện. Nay Ngân hàng yêu cầu ông T, bà N1 thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 13/9/2024 là 315.799.041 đồng. Trong đó vốn gốc 250.000.000 đồng, lãi 65.799.041 đồng.

- Bị đơn là ông Phan Văn T trình bày: Ông vay tiền cho con rể làm ăn nhưng nó không trả thì ông phải chịu. Trước đây ông cũng không muốn ký vay nhưng con rể và nhân viên ngân hàng đến gặp nhiều lần động viên vay tiền cho con làm ăn, biết như ngày hôm nay thì không ký vay tiền. Nay thống nhất trả nợ nhưng chưa biết nguồn nào để trả, con và rể thì đi làm bên P, có cho hay việc ngân hàng kiện ra tòa, nhưng nó kêu năn nỉ ngân hàng cho từ từ trả.

- Bị đơn bà Phan Thị N1 có đơn xin vắng mặt. Tại văn bản trình bày ý kiến có

trình bày: Do con rẻ không có vốn làm ăn nên mượn bằng khoản vay ngân hàng. Chồng bà đứng ra vay giùm chứ bà không biết.

- *Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T trình bày:* Ông T là người có công với Cách M, hiện nay hoàn cảnh khó khăn, ông T ký hồ sơ vay vốn để cho con làm ăn, nhưng làm ăn không được nên chưa trả nợ ngân hàng được. Đề nghị ngân hàng xem xét cho ông T thời gian trả nợ.

- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn là bà N1 vắng phiên tòa có đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 13/9/2024 là 315.799.041 đồng. Trong đó vốn gốc 250.000.000 đồng, lãi 65.799.041 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phan Văn T và bà Phan Thị N1 ký hợp đồng vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K, nhưng không thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ, do đó xác định quan hệ pháp luật vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Bị đơn là bà Phan Thị N1 vắng mặt phiên tòa có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phan Văn T là người có công với Cách M nên Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh K cử ông Huỳnh Ngọc T1 là Trợ giúp viên pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T.

[2] Ông Phan Văn T, bà Phan Thị N1 ký hợp đồng vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K (Hợp đồng số 2071/18/HĐHM/1010-7884 ngày 03/12/2018 và hợp đồng tín dụng từng lần số 2019/21/HĐTD/1010-7884 ngày 22/12/2021) vay số tiền 250.000.000 đồng. Hợp đồng có ghi rõ mục đích vay, ngày giải ngân, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả. Tính đến ngày 13/9/2024 ông T, bà N1 còn nợ Ngân hàng số tiền 315.799.041 đồng (Trong đó vốn gốc 250.000.000 đồng, lãi 65.799.041 đồng). Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và

tài sản gắn liền với đất số 2071/18/HĐTC-BĐS/1010-7884 ngày 03/12/2018, cụ thể: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 067642, sổ vào sổ H 0005 do UBND huyện A cấp ngày 18/3/2005, thửa đất 114, tờ bản đồ số 01, diện tích 20.372 m², tọa lạc tại ấp I, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Ngân hàng khởi kiện có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh và được ông T thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông T và bà N1 trả số tiền tính đến ngày 13/9/2024 là 315.799.041 đồng. Trong đó vốn gốc 250.000.000 đồng, lãi 65.799.041 đồng. Ngân hàng được quyền tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đã ký kể từ ngày 14/9/2024.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 12, 14, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận lẽ ra ông T, bà N1 chịu án phí nhưng do ông T và bà N1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông T, bà N1 được miễn nộp án phí.

Ngân hàng không chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 6, 12, 14, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần K đối với ông Phan Văn T và bà Phan Thị N1. Buộc ông Phan Văn T và bà Phan Thị N1 trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 13/9/2024 là 315.799.041 đồng (Ba trăm mười lăm triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng). Trong đó vốn gốc 250.000.000 đồng, lãi 65.799.041 đồng.

Ngân hàng có quyền tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng đã ký đối với số nợ chưa thanh toán kể từ ngày 14/9/2024 cho đến khi trả xong số nợ.

Trường hợp ông T và bà N1 không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 067642, sổ vào sổ H 0005 do UBND huyện A cấp ngày 18/3/2005, thửa đất 114, tờ bản đồ số 01, diện tích 20.372 m², tọa lạc tại ấp I, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2- Án phí sơ thẩm: Ông T và bà N1 được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.620.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005073 ngày 19/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Đại diện nguyên đơn, bị đơn là ông T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà N1 vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận